

MUA BÁN NỢ VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU - KINH NGHIỆM THỰC TIỄN TỪ CÁC NƯỚC

NGUYỄN THỊ LOAN*

Phát triển thị trường mua bán nợ và xử lý nợ xấu là một trong những giải pháp quan trọng góp phần cơ cấu lại danh mục tín dụng, nâng cao chất lượng tín dụng, tạo thêm kênh thanh khoản và góp phần tăng thu nhập cho ngân hàng và các tổ chức tham gia kinh doanh dịch vụ mua bán nợ. Tuy nhiên, thực tế tại Việt Nam chưa có thị trường mua bán nợ đúng nghĩa, chỉ mới dừng lại ở hoạt động mua bán nợ xấu của ngân hàng nhưng vẫn còn không ít bất cập. Bài viết tổng hợp các nghiên cứu về kinh nghiệm xử lý nợ và thúc đẩy mua bán nợ của một số quốc gia, từ đó rút ra hàm ý chính sách về hoàn thiện môi trường pháp lý và tổ chức thị trường liên quan đến mua bán nợ và xử lý nợ xấu qua hệ thống ngân hàng tại Việt Nam.

Từ khóa: mua bán nợ, xử lý nợ xấu, ngân hàng

Nhận bài ngày: 15/12/2021; đưa vào biên tập: 16/12/2021; phản biện: 18/12/2021; duyệt đăng: 10/02/2022

1. DẪN NHẬP

Trên thực tế, mua bán nợ (MBN) trên thế giới được xem là một thị trường kinh doanh có khả năng sinh lời cao và không đơn thuần chỉ liên quan đến các khoản nợ có vấn đề mà cả những khoản nợ tốt. Hoạt động MBN hiện còn rất mới tại Việt Nam nhưng lại rất phổ biến trên thế giới, nhất là tại các nước có nền kinh tế phát triển như Mỹ,

Ý, Đức. Một số quốc gia trong khu vực Châu Á như Nhật, Hàn Quốc cũng đã có hoạt động MBN từ năm 1997. Đến nay, hoạt động MBN trên thế giới đã trở thành một ngành kinh doanh sôi động và chuyên nghiệp.

Tại Việt Nam, nợ xấu, nợ tồn đọng đã xuất hiện từ lâu và là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình hình tài chính của doanh nghiệp rơi vào khó khăn, nhiều doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và đi đến chỗ phá sản. Chính phủ Việt Nam đã có một số

* Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

biện pháp xử lý nhưng chưa đạt kết quả như mong muốn. Hơn nữa, khái niệm MBN còn mới trong lý luận cũng như thực tiễn tại Việt Nam. Nghiên cứu về thị trường MBN có rất nhiều vấn đề như về hàng hóa, chủ thể tham gia, phương thức mua bán và các điều kiện vận hành (môi trường pháp lý, định giá, minh bạch thông tin). Để giải quyết một phần những vấn đề trên, phạm vi của bài viết chủ yếu tập trung nghiên cứu về kinh nghiệm của một số quốc gia trong xử lý nợ xấu và phát triển thị trường MBN trong hệ thống ngân hàng, từ đó rút ra các hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

2. LÝ THUYẾT VỀ MBN VÀ THỊ TRƯỜNG MBN

2.1. Khái niệm về nợ xấu và MBN

Nợ xấu (non-performing loans - NPL) và mua bán nợ xấu là các khái niệm quen thuộc trong lý thuyết và thực nghiệm. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB), các khoản vay được chia làm 5 nhóm nợ bao gồm: (i) đạt tiêu chuẩn (nhóm 1); (ii) cần theo dõi (nhóm 2); (iii) dưới tiêu chuẩn (nhóm 3); (iv) đáng ngờ (nhóm 4); (v) mất vốn (nhóm 5). Trong đó, nợ vay từ nhóm 3 đến nhóm 5 là nợ vay có nợ quá hạn từ 90 ngày trở lên và có khả năng thất thoát hoặc khó thu hồi. Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ban hành ngày 21/3/2013, nợ tại tổ chức tín dụng Việt Nam cũng được phân loại thành 5 nhóm gồm: (i) nợ đủ tiêu chuẩn; (ii) nợ cần chú ý; (iii) nợ dưới tiêu chuẩn; (iv) nợ nghi ngờ; (v) nợ có khả năng mất

vốn. Thông tư này quy định nợ xấu là nợ được phân loại từ nhóm 3 đến nhóm 5. Điều này cho thấy về hình thức, phân loại nợ qua hệ thống ngân hàng của Việt Nam có dựa trên phân loại nợ theo tiêu thức của quốc tế. Tuy nhiên, khái niệm MBN vẫn còn khá mới mẻ ở Việt Nam.

Những khái niệm đầu tiên liên quan đến MBN được đề cập trong nghiên cứu của nhóm tác giả E.W. Reed, R.V. Cotter, E.K. Gill và R.K. Smith (1976), theo đó, MBN là việc mua lại các khoản nợ. Trong đó, các công ty mua nợ mua các khoản nợ của khách hàng trên cơ sở không truy đòi và tiến hành một số các dịch vụ khác ngoài việc ứng trước các khoản nợ. Công ty mua nợ đánh giá mức tín dụng trong hiện tại và tương lai của khách hàng (người bán) và xác lập các hạn mức tín dụng ứng trước. Các khách hàng được yêu cầu gửi trực tiếp cho công ty mua nợ bản sao hóa đơn. S. Brown, K. Taylor và S. Price (2005) nhìn nhận MBN là một loại hình tài trợ dưới dạng tín dụng chuyển nhượng nợ. Trong đó, công ty chuyển toàn bộ hay một phần khoản nợ cho một công ty tài chính chuyên nghiệp (công ty mua nợ, thông thường là một công ty trực thuộc ngân hàng). Công ty này đảm nhận việc thu các khoản nợ và theo dõi các khoản phải thu để hưởng thủ tục phí và có thể ứng trước các khoản nợ.

C.E. Anguelov và C. Tamborini (2009) cho rằng, MBN là một sự dàn xếp tài chính, qua đó một công ty tài chính chuyên nghiệp (công ty mua nợ) mua

lại các khoản nợ của một công ty với số tiền ít hơn giá trị của khoản nợ đó. Lợi nhuận phát sinh từ sự chênh lệch giữa tiền thu được của số nợ đã mua và giá mua thực tế của món nợ đó. Lợi ích của công ty bán nợ là nhận được tiền ngay, thay vì phải chờ đến lúc người thiếu nợ trả nợ, hơn nữa lại tránh được những phiền toái và các chi phí phát sinh trong quá trình theo dõi người thiếu nợ chậm trả.

Theo Ủy ban Thương mại Liên bang Mỹ (Federal Trade Commission, 2013), khái niệm “mua nợ” là hoạt động, trong đó người cho vay hoặc chủ nợ bán khoản nợ cho người mua, người mua sau đó sẽ thu xếp để thu lại khoản nợ hoặc bán khoản nợ cho người mua khác. Đối với Việt Nam, Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ban hành ngày 17/7/2015 về hoạt động MBN của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định mua, bán nợ là thỏa thuận bằng văn bản về việc chuyển giao quyền đòi nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh, theo đó bên bán chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ cho bên mua nợ và nhận tiền thanh toán từ bên mua nợ.

Các khái niệm trên cho thấy thị trường nợ là một bộ phận của thị trường tài chính - nơi diễn ra việc mua bán các chứng khoán nợ và các khoản vay. Thị trường nợ bao gồm thị trường sơ cấp, nơi các hàng hóa nợ được bán lần đầu và thị trường thứ cấp, các hàng hóa nợ có thể được giao dịch

trên các sở giao dịch tập trung hoặc trên thị trường phi tập trung. Đặc biệt, quan niệm về MBN trên thế giới nhấn mạnh không chỉ là mua bán nợ xấu mà còn có thể mua bán các khoản nợ tốt nhằm cơ cấu lại danh mục nợ tạo nguồn vốn sử dụng sinh lời cao hơn.

2.2. Đặc điểm cơ bản của hoạt động MBN

Hoạt động MBN có những đặc điểm riêng bao gồm hoạt động mua, bán nợ cũng như quá trình thực hiện mua, bán nợ và phương thức MBN (Brown và cộng sự, 2005), cụ thể:

- Hoạt động mua, bán nợ là thỏa thuận bằng văn bản về việc chuyển giao quyền đòi nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh. Theo đó bên bán nợ chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ cho bên mua nợ và nhận tiền thanh toán từ bên mua nợ. Khoản nợ được mua, bán là khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay và khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh theo hợp đồng cấp tín dụng đã ký của Tổ chức tín dụng và bên nợ có nghĩa vụ thanh toán tiền cho Tổ chức tín dụng.

- Bên mua nợ bao gồm những đối tượng có thể là các tổ chức, cá nhân như các Tổ chức tín dụng được chấp thuận hoạt động mua nợ; tổ chức kinh doanh dịch vụ mua, bán nợ, tổ chức khác, cá nhân không kinh doanh dịch vụ mua, bán nợ và cả tổ chức, cá nhân là người không cư trú.

- Đối với thực hiện mua, bán nợ thì hoạt động mua, bán nợ không trái với nội dung quy định tại hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm đã ký kết giữa bên bán nợ, khách hàng và bên bảo đảm. Hoạt động mua, bán nợ do các bên tự thỏa thuận, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan. Ngoài ra, bên bán nợ không mua lại các khoản nợ đã bán.

- Về phương thức mua, bán nợ, Tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định lựa chọn một trong các phương thức mua, bán nợ. Đó là sự thỏa thuận thông qua đàm phán trực tiếp giữa bên bán nợ và bên mua nợ hoặc gián tiếp thông qua bên môi giới và đấu giá. Bên bán nợ thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản hoặc tự tổ chức bán đấu giá khoản nợ.

Xét về phương thức MBN trên thị trường, có ba phương thức chủ yếu là MBN riêng lẻ, đấu giá và chứng khoán hóa các khoản nợ (IFC, 2012). Phương thức mua bán riêng lẻ là phương thức bán nợ dựa trên sự thỏa thuận riêng giữa người mua và người bán. Phương thức mua bán qua đấu giá (giới hạn hoặc đại chúng) là phương thức MBN dựa trên sự đấu giá giữa những nhà đầu tư mua nợ với người bán nợ. Phương thức chứng khoán hóa các khoản nợ là phương thức bán nợ dựa trên hoạt động chứng khoán hóa các khoản nợ. Đây là dạng đặc biệt của chứng khoán hóa trên tài sản và cũng là một quy

trình chuyển đổi món vay hoặc khoản phải thu thành công cụ có thể chuyển nhượng. Mỗi phương thức có những đặc điểm và lợi ích khác nhau để các chủ thể tham gia lựa chọn phương thức MBN thích hợp.

Nói cách khác, MBN là quan hệ hợp đồng mua bán gồm hai chủ thể chính: bên mua nợ và bên bán nợ. Đối tượng của hợp đồng MBN là các hàng hóa được chuyển quyền chủ nợ từ bên bán nợ sang bên mua nợ. Bên bán nợ nhận thanh toán từ bên mua nợ. Việc bán nợ có thể theo nguyên tắc có truy đòi hoặc không có truy đòi. Quyền đòi nợ sau khi chuyển giao có thể tiếp tục mua đi bán lại trên thị trường hoặc chuyển thành tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp hoặc làm tài sản bảo đảm khi thực hiện nghĩa vụ. Đối với nợ có tài sản bảo đảm, việc chuyển nhượng quyền đòi nợ bao gồm cả chuyển nhượng các quyền, lợi ích gắn với bảo đảm của khoản nợ như quyền phát mại tài sản thế chấp, cầm cố, quyền yêu cầu bên bảo lãnh trả nợ thay.

2.3. Các yếu tố chủ yếu của thị trường MBN

Báo cáo của Center for Responsible Lending (2014) và nghiên cứu về đặc điểm của hoạt động MBN, theo S. Brown và cộng sự (2005) đề cập đến các yếu tố chủ yếu cấu thành thị trường MBN gồm hàng hóa trên thị trường, chủ thể tham gia, phương thức MBN đi kèm theo đó là các điều kiện vận hành thị trường MBN.

- Hàng hóa của thị trường MBN

So với thị trường cổ phiếu, thị trường nợ là một trong những thị trường có danh mục hàng hóa rất đa dạng. Sự đa dạng của hàng hóa trên thị trường này tạo nguồn cung hàng hóa, đòi hỏi các chủ thể liên quan đến thị trường cần nghiên cứu phát triển để thích ứng với nhu cầu phát triển của thị trường, hàng hóa của thị trường nợ không chỉ là công cụ ghi nhận mối quan hệ vay nợ giữa các chủ thể (Fabozzi, 2007).

Theo Center for Responsible Lending (2014), hàng hóa trên thị trường MBN ban đầu là nợ từ tín dụng ngân hàng được đem ra mua bán. Theo *Debt Markets and Analysis* của R. Stafford Johnson, hàng hóa trên thị trường MBN gồm trái phiếu, chứng khoán nợ doanh nghiệp, các khoản nợ của ngân hàng đối với doanh nghiệp và cá nhân, các tài sản có tài sản đảm bảo, tài sản không kèm theo tài sản đảm bảo, chứng khoán hóa các khoản nợ và các công cụ phái sinh tín dụng.

Như vậy, hàng hóa của thị trường MBN ban đầu có thể là các tài sản sinh lời như các khoản phải thu thể hiện trong phần tài sản trên bảng cân đối kế toán của Tổ chức tín dụng như cho vay, chiết khấu, bao thanh toán, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ tín dụng khác (Luật các Tổ chức tín dụng 2010). Tài sản sinh lời của ngân hàng còn bao gồm các khoản đầu tư vào các công cụ nợ như trái phiếu. Thương phiếu cũng là công cụ nợ trong danh mục hàng hóa sinh lời của các tổ chức tài

chính. Tại các thị trường MBN phát triển, hàng hóa tham gia mua bán có thể được chứng khoán hóa. Theo S.I. Greenbaum và A.V. Thakor (2007), chứng khoán hóa bao gồm sự kết hợp các khoản cho vay có tính chất tương tự để tạo ra các quyền đòi nợ tín dụng cao hơn dựa vào các dòng tiền của danh mục đầu tư này và bán các quyền đòi nợ này cho các nhà đầu tư. Theo Monetary Authority of Singapore (2000), chứng khoán hóa là một tiến trình, trong đó tài sản hay các nguồn thu đi kèm với tài sản được bán và được chuyển cho một trung gian đặc biệt (Special Purpose Vehicle - SPV). Tổ chức trung gian này sẽ huy động vốn bằng cách phát hành chứng khoán được đảm bảo chủ yếu bằng các tài sản này.

Các công cụ phái sinh tín dụng (Credit Derivatives) cũng là một trong những công cụ, hàng hóa tham gia trên thị trường MBN. Theo Ngân hàng Thanh toán Quốc tế, công cụ phái sinh tín dụng như là một hợp đồng bảo hiểm, trong đó đối tượng được bảo hiểm là các khoản vay chứa đựng rủi ro tín dụng. Bên mua phải trả một khoản phí (mua bảo hiểm) cho bên bán để cam kết sẽ bồi hoàn giá trị tổn thất nếu rủi ro tổn thất tín dụng xảy ra.

- Chủ thể tham gia trên thị trường MBN
Chủ thể tham gia trên thị trường này bao gồm nhiều đối tượng như cơ quan nhà nước, tổ chức, công ty, ngân hàng và nhà đầu tư. Báo cáo *Financial Stability Review* (2006) của Ngân hàng Trung ương Châu Âu cho

rằng, để phát triển thị trường MBN các chủ thể cần tham gia gồm cơ quan quản lý và ngân hàng trung ương. Các tổ chức tham gia với tư cách là bên mua, bên bán nợ và nhà đầu tư. Các tổ chức độc lập tham gia thị trường MBN như tổ chức xếp hạng tín nhiệm, định giá, công ty kiểm toán, công ty môi giới, tư vấn góp phần trong phát triển thị trường MBN.

3. KINH NGHIỆM VỀ XỬ LÝ NỢ XẤU VÀ THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG MBN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA

3.1. Kinh nghiệm về MBN của Italia

Theo nghiên cứu của N. Jassaud và K. Kang (2015), hàng hóa giao dịch trên thị trường MBN không chỉ là nợ xấu tại ngân hàng mà còn nợ trong hạn, các khoản cho vay có mức xếp hạng tín nhiệm thấp, danh mục các bất động sản bị xiết nợ bởi các định chế tài chính, danh mục thẻ tín dụng. Trong đó, nợ được mua bán, đặc biệt là nợ xấu ngân hàng trở thành một khoản đầu tư mang lại lợi nhuận lớn của các chủ thể đầu tư tham gia.

Để tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, định hướng MBN ngân hàng trên thị trường, kiểm soát và phân loại, đánh giá chất lượng tín dụng, ngân hàng trung ương và cơ quan quản lý quốc gia của Italia đưa ra quy định khắt khe trong việc trích lập dự phòng các khoản nợ vay có vấn đề. Ngân hàng trung ương đưa ra ba phương pháp để các ngân hàng được chọn lựa gồm (i) nợ xấu vẫn tiếp tục tồn tại trên bảng cân đối kế toán, hoặc (ii) chuyển ra khỏi bảng cân đối kế toán để theo

dõi ở ngoại bảng, hoặc (iii) bán nợ. Các ngân hàng không đáp ứng được yêu cầu về trích lập dự phòng hoặc bổ sung vốn, phải chọn phương pháp bán nợ. Điều này tạo nguồn cung cho thị trường, ngân hàng có thể tự bán nợ hoặc bán nợ cho các công ty quản lý tài sản về nợ xấu (NPL's AMC) trong giai đoạn đầu, sau đó quốc gia này thiết lập một thị trường MBN vận hành theo nguyên tắc thị trường.

Tiếp đến, để hỗ trợ MBN và mua bán nợ xấu thuận lợi, cơ quan giám sát tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải thể công ty thua lỗ có khả năng phá sản, giám sát, phân tích thông tin về dòng tiền từ khoản cho vay của ngân hàng đối với khách hàng vay có khả năng trả nợ và không có khả năng trả nợ; quy định về chi phí phát sinh trong thanh lý tài sản để ngân hàng có thể thu hồi khoản vay từ tài sản của người vay. Luật Phá sản của Italia ban hành năm 2014 quy định giảm bớt xử lý về nợ tại tòa án, khuyến khích giải pháp xử lý nợ ngoài tòa án, thúc đẩy thanh lý tài sản thể chấp liên quan đến khoản vay bằng cách giao quyền cho chủ thể khác không phải là tòa án thực hiện thủ tục phá sản, công chứng viên hỗ trợ về tiêu chuẩn, công cụ để định giá tài sản thanh lý được đấu giá, góp phần tiết kiệm thời gian và chi phí. Mặt khác, vấn đề minh bạch thông tin nợ và MBN cũng rất được quan tâm thông qua quy định liên quan như giám sát ngân hàng yếu kém phải có mục tiêu, kế hoạch, cam kết thực hiện cấu trúc lại ngân hàng, báo cáo

thường xuyên hoạt động thu nợ. Các ngân hàng còn lại đều phải báo cáo thường xuyên cho cơ quan giám sát và cổ đông ngân hàng về khoản vay có vấn đề, tài sản không sinh lời, cách thức xử lý, cơ cấu nợ, tỷ lệ nợ thu hồi.

3.2. Kinh nghiệm về hợp đồng tín dụng, quyền chủ nợ và xử lý nợ xấu ngân hàng của Mỹ

Để nâng cao quyền chủ nợ và cụ thể các nguồn thu nợ, giảm bớt rủi ro tín dụng, các ngân hàng tại Mỹ khi cho khách hàng vay không chỉ xem xét cho vay theo từng khoản vay mà còn quan tâm đánh giá về nguồn trả nợ của khách hàng là từ những nguồn nào, từ đó quyết định thiết lập hợp đồng tín dụng khi cho vay. Bên cạnh đó, điều khoản về lãi suất, định kỳ trả nợ và lãi, hợp đồng tín dụng có điều khoản liệt kê cụ thể các khoản phải thu là động sản và bất động sản, sau đó ngân hàng thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo các khoản phải thu này. Khi nợ vay có vấn đề, nguồn thu nợ của ngân hàng là tất cả các khoản phải thu từ khách hàng đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo thứ tự ưu tiên về Đăng ký giao dịch đảm bảo và tòa án cũng bảo vệ quyền lợi của chủ nợ là ngân hàng căn cứ vào các khoản phải thu trên hợp đồng tín dụng. Nghiên cứu của M. Fratantoni và M. Moore (2013) cho thấy, cơ quan quản lý của Mỹ giới hạn thời gian ngân hàng phải đưa nợ xấu ra khỏi bảng cân đối kế toán, nếu không sẽ bị tăng phí phạt. Điều này thúc đẩy ngân hàng tăng cường xử lý nợ xấu/bán nợ.

3.3. Kinh nghiệm về tái cấu trúc doanh nghiệp góp phần xử lý nợ xấu tại ngân hàng của Đức

Theo R. Agarwal và J. Elston (2001), với hành lang pháp lý từ Luật Chuyển đổi (Transformation Law) và việc thành lập các tổ chức tái cấu trúc doanh nghiệp (Corporate Restructuring Vehicles – CRVs), cơ quan quản lý Đức đã quy định và yêu cầu người vay có nợ xấu phải tham gia vào thỏa thuận tái cơ cấu nợ và đối mặt trong tình trạng pháp lý với các chủ nợ. Tổ chức tái cấu trúc doanh nghiệp sẽ giúp các doanh nghiệp có nợ xấu: (i) giảm nợ xấu và phục hồi hoạt động thông qua việc đồng hành cùng với doanh nghiệp tách nợ xấu ra khỏi bảng cân đối kế toán; (ii) đầu tư trực tiếp vào doanh nghiệp, thông qua đó tái cấu trúc nợ doanh nghiệp, tham gia hoạt động quản trị. Các CRVs còn hợp tác với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế, từ đó góp phần đa dạng hóa các nhà đầu tư và cũng mở rộng khả năng về nguồn vốn tham gia thị trường MBN.

3.4. Kinh nghiệm về MBN và xử lý nợ xấu của Nhật Bản

Nhật Bản là một trong những quốc gia có những quy định và nguyên tắc cũng như cách thức tổ chức thực hiện đối với hoạt động MBN một cách hoàn chỉnh. Việc hoàn thiện môi trường pháp lý là cơ sở để giải quyết vấn đề nan giải này xuất phát từ nguyên nhân của nợ xấu cho đến thực thi các chính sách xử lý nợ xấu cũng như vai trò Ngân hàng Trung ương Nhật Bản

trong tiến trình tổ chức thực hiện nhằm tạo sự đồng bộ (Nguyễn Hùng Tiến, 2015). Cụ thể Nhật Bản đã ban hành Luật Thu hồi nợ (1998) liên quan đến các biện pháp, đặc biệt là công tác thu hồi và quản lý nợ; sửa đổi Luật Phục hồi doanh nghiệp (2001); sửa đổi Luật Phá sản (2004) theo hướng cải cách hệ thống luật phá sản theo hướng hợp lý hóa, đơn giản hóa thủ tục nộp đơn yêu cầu, tăng cường quyền hạn của ngân hàng thương mại, quản lý tài sản trong các vụ phá sản của người vay; cải cách hệ thống luật phá sản và thi hành dân sự bằng cách tăng cường các biện pháp hình sự chống lại sự cản trở thi hành án, bãi bỏ quy định giá khởi điểm tối thiểu khi xử lý tài sản; sửa đổi Luật Bảo hiểm tiền gửi theo hướng bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền.

Theo K. Ohashi và M. Singh, (2004) để đẩy mạnh tốc độ xử lý nợ xấu giúp thị trường MBN sớm hình thành, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản luôn ưu tiên thắt chặt giám sát về trích lập dự phòng, tách nợ xấu ra khỏi bảng cân đối và tiến hành tái cơ cấu nợ xấu. Cụ thể như giai đoạn 2001-2005, ngân hàng đã quy định thời gian để bắt buộc các ngân hàng làm sạch bảng cân đối kế toán và áp dụng chuẩn trích lập dự phòng mới chặt chẽ hơn.

Song song với ban hành, bổ sung và chỉnh sửa môi trường pháp lý, về tổ chức, Nhật Bản tăng cường vai trò của Ngân hàng Trung ương trong xử lý nợ xấu. Đó là cơ quan quản lý cấp cao nhất về tiền tệ và hoạt động ngân

hàng, tập trung vào ổn định hệ thống tài chính bằng cách ban hành chính sách vĩ mô và vi mô thận trọng; củng cố hệ thống chi trả và thanh toán; đóng vai trò là người cho vay cuối cùng là chỉ tham gia hỗ trợ sau khi các tổ chức tín dụng bị phá sản nhằm tránh sự sụp đổ của hệ thống tài chính; tiến hành tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thông qua quốc hữu hóa ngân hàng; kiểm tra giám sát đặc biệt tập trung vào các ngân hàng lớn, tách cơ quan giám sát từ Bộ Tài chính thành Tổng cục Giám sát Dịch vụ tài chính trực thuộc chính phủ; tăng vốn cho các ngân hàng lớn, tăng tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước của các ngân hàng, ban hành các mô hình phục hồi tài chính như mô hình hệ thống tài chính mới, mô hình phục hồi doanh nghiệp mới và mô hình quản trị tài chính mới. Mục tiêu chính là khôi phục niềm tin vào hệ thống tài chính và quản trị tài chính của Nhật, giảm tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng lớn xuống dưới 50% quy mô tổng dư nợ xấu vào cuối năm.

Nhật Bản cũng đã cho phép thành lập Công ty Quản lý Tài sản (AMC) thuộc sở hữu nhà nước; và thực hiện chiến lược xử lý nợ xấu thông qua sự thành lập của Công ty Thu hồi và xử lý nợ (RCC). RCC là một “doanh nghiệp dịch vụ công” chính thức đi vào hoạt động năm 1997, với chức năng thu hồi nợ xấu. Bảo hiểm Tiền gửi (DICJ) đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động xử lý nợ của RCC, bởi đây là cơ quan cung cấp 100% vốn hoạt động cho RCC. Ngoài ra, DICJ còn

làm công tác điều tra tài sản của khách hàng, trong trường hợp RCC có nghi vấn về khách hàng.

3.5. Kinh nghiệm hỗ trợ định giá khoản nợ và thành lập các công ty xử lý nợ xấu của Hàn Quốc

Theo A. Chopra, K. Kenneth, K. Meral, L. Hong, M. Henry và R. Anthony (2001), cơ quan quản lý tại Hàn Quốc đã hỗ trợ định giá khoản nợ thông qua ban hành hướng dẫn ngân hàng tiêu chuẩn ước lượng cụ thể và mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính để phát hiện công ty không có khả năng tồn tại. Kèm theo đó, Hàn Quốc cũng có chính sách phát triển các công ty quản lý tài sản mua bán nợ xấu (NPL asset management companies - AMCs) và các CRVs).

NPL AMCs là những công ty tập hợp vốn từ nhiều nhà đầu tư khác nhau và đầu tư nguồn vốn này vào thị trường mua bán nợ xấu với một danh mục đầu tư đa dạng và chiến lược đầu tư rõ ràng. Những công ty này đã góp phần xử lý những khoản nợ có vấn đề tại ngân hàng thông qua việc sử dụng những kỹ năng đặc biệt mà ngân hàng không có như những kỹ năng trong dịch vụ bất động sản hoặc những kỹ năng trong hoạt động tái thiết doanh nghiệp. Bên cạnh đó, NPL AMCs cũng hỗ trợ hoạt động xử lý nợ xấu thông qua khả năng hợp nhất các khoản nợ và cho phép chủ nợ có thể đàm phán một kế hoạch cải tổ với người thiếu nợ. Ngoài ra, các công ty quản lý tài sản còn giúp thu hẹp khoảng cách về việc định giá các khoản nợ xấu bằng

việc cho phép những ngân hàng đầu tư vào chính nó, đồng thời có thể giữ lại một phần lợi nhuận được ấn định từ việc tái cấu trúc này.

Tương tự như các công ty quản lý tài sản mua bán nợ xấu, CRVs cũng là một công cụ quan trọng trong việc tái cấu trúc và khôi phục lại những công ty đang trên bờ vực phá sản. CRVs tham gia vào việc tái cấu trúc lại những doanh nghiệp đang trong tình trạng đi đến phá sản bằng việc đầu tư trực tiếp vào các công ty này, tái cấu trúc lại các khoản nợ và tổ chức lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và của công ty. CRVs tạo điều kiện cho các công ty vừa và nhỏ đang tìm kiếm các hoạt động sáp nhập, mở rộng và muốn kinh doanh ở một lĩnh vực mới. CRVs còn cho phép các ngân hàng trở thành đối tác với các nhà đầu tư bên ngoài, mở rộng khả năng tài trợ và trở thành chuyên gia trong hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp. Để tạo môi trường thuận lợi cho loại hình doanh nghiệp này, Hàn Quốc có quy định riêng về hoạt động của CRVs và ưu đãi về thuế đối với hoạt động kinh doanh của tổ chức này, và điều này cũng đúng ở các quốc gia khác. Sự thành công của CRVs có thể được nhìn nhận thấu đáo ở thị trường MBN Hàn Quốc. Những CRVs được chính phủ cấp phép hoạt động với nhiều ưu đãi về thuế cũng như được hỗ trợ đặc biệt về hành lang pháp lý.

4. BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ GỢI Ý CHÍNH SÁCH GÓP PHẦN XỬ LÝ NỢ XẤU VÀ PHÁT TRIỂN THỊ

TRƯỜNG MBN QUA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Loan và các cộng sự (2017) đã đánh giá về các kết quả đạt được, tạo điều kiện góp phần xử lý nợ xấu và thúc đẩy sự phát triển thị trường MBN qua hệ thống ngân hàng ở Việt Nam, như xây dựng bước đầu quy định pháp lý về MBN; thực tế đã thực hiện mua bán nợ xấu; đã hình thành các bên tham gia MBN; hàng hóa là khoản nợ vay cung ứng từ tổ chức tín dụng khá dồi dào; và cơ quan quản lý đã thực hiện quy định tại các hệ thống ngân hàng và giám sát nợ để nâng cao chất lượng hàng hóa. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng rút ra những hạn chế còn tồn tại trong xử lý nợ xấu và những cản trở kìm hãm sự hình thành thị trường MBN: môi trường pháp lý còn hạn chế về khung pháp lý liên quan thị trường MBN tại Việt Nam như chưa hoàn chỉnh và chưa thống nhất; quy định pháp lý còn hạn chế về đối tượng được MBN, hoạt động mua nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý Tài sản Việt Nam đối với Tổ chức Tín dụng Việt Nam, quá trình xử lý tài sản bảo đảm đi kèm với khoản nợ được bán; còn hạn chế trong thực hiện quyền chủ nợ của bên mua nợ; còn hạn chế trong hoạt động ủy quyền và kiểm tra giám sát việc Tổ chức Tín dụng thực hiện ủy quyền, thủ tục tố tụng và thi hành án; và hạn chế trong định giá khoản nợ được MBN theo giá trị thị trường. Về tổ chức và kỹ thuật hoạt động MBN còn

hạn chế về nhận thức và sự quan tâm của các chủ thể tham gia vào hoạt động MBN tại tổ chức tín dụng, hàng hóa trên thị trường MBN; chủ thể tham gia trên thị trường MBN; các yếu tố liên quan đến kỹ thuật MBN; minh bạch thông tin liên quan đến hoạt động MBN và thiếu các công ty môi giới, tư vấn chuyên nghiệp về MBN.

Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết, đánh giá về các kết quả, hạn chế liên quan đến xử lý nợ xấu và MBN qua hệ thống ngân hàng tại Việt Nam kết hợp tìm hiểu kinh nghiệm về xử lý nợ xấu và thúc đẩy hoạt động mua bán qua hệ thống ngân hàng tại một số quốc gia như Italia, Mỹ, Đức, Nhật, Hàn Quốc, bài viết rút ra các bài học kinh nghiệm và gợi ý chính sách đối với Việt Nam.

4.1. Bài học kinh nghiệm và gợi ý chính sách đối với Việt Nam về xử lý nợ xấu

- Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước cần nghiên cứu bổ sung cơ chế, chính sách để đánh giá đúng tình hình nợ xấu, thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin và giám sát chặt chẽ việc phân loại nợ tại các tổ chức tín dụng để nợ vay được phản ánh đúng thực chất, đúng giá trị và nguồn trả nợ kèm theo.

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thông qua các ngân hàng tự xử lý hoặc sáp nhập, nhanh chóng xử lý việc thiếu vốn của các tổ chức tín dụng (tăng vốn kịp thời trong quá trình xử lý nợ xấu bằng các nguồn công, tư) để lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng. Đồng thời Chính phủ cần nghiên cứu chính sách mở

rộng thị trường MBN cho các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nước ngoài tham thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp, tham gia MBN.

- Bổ sung xây dựng khung pháp lý một cách đồng bộ nhằm giám sát chặt chẽ hơn kỷ luật của ngành ngân hàng nhằm kiểm soát nợ xấu và xem xét phá sản, sáp nhập những tổ chức tín dụng thực sự yếu kém. Tăng cường quy chế quản lý, giám sát các hoạt động kinh doanh của từng tổ chức tín dụng, đồng thời củng cố sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc giám sát hoạt động của hệ thống tài chính.

4.2. Bài học kinh nghiệm và gợi ý chính sách góp phần phát triển thị trường MBN qua hệ thống ngân hàng tại Việt Nam

Một là, thay đổi quan điểm về thị trường MBN chỉ mua bán nợ xấu và quan điểm cho vay dựa trên bất động sản.

Cơ quan quản lý vĩ mô, ngân hàng và tổ chức nghề nghiệp cần có các chính sách tác động làm thay đổi quan điểm về thị trường MBN không chỉ là mua bán nợ xấu mà còn là MBN bình thường và nợ tốt. Thay đổi quan điểm cho vay chủ yếu dựa trên tài sản đảm bảo là bất động sản, đặc biệt là nhận thức, quan điểm của các nhà quản lý và chuyên viên chuyên trách có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp để thực hiện đúng với chuyên môn, đặc điểm kinh doanh phù hợp với thị trường này. Hai là, nghiên cứu sửa đổi môi trường pháp lý liên quan đến MBN theo thông

lệ quốc tế về hàng hóa, định giá, phương thức, minh bạch thông tin.

Đây là một trong những tiêu chí quan trọng nhằm đảm bảo thực thi đầy đủ các nguyên tắc, quy định và nội dung liên quan. Việc thực hiện này là cơ sở để đảm bảo trong tổ chức và điều hành hoạt động theo những tiêu chí được chuẩn hóa và phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Thay đổi bổ sung các quy định liên quan đến nợ tham gia mua bán, thông lệ quốc tế về hàng hóa “tín dụng”. Nợ tham gia mua bán rất đa dạng, không chỉ là các khoản cho vay mà còn là các hợp đồng về bao thanh toán, các hợp đồng về chiết khấu thương phiếu. Dòng tiền thu được từ việc mua bán khoản nợ ngân hàng là các khoản phải thu (động sản) từ khách hàng vay chứ không bị giới hạn nguồn thu nợ là bất động sản.

- Thay đổi bổ sung các quy định liên quan định giá nợ. Thông lệ quốc tế về MBN cần đảm bảo trên cơ sở định giá trị khoản nợ theo giá thị trường, có sự chuyển giao thanh toán thật sự theo giá trị khoản nợ trên hợp đồng MBN.

- Thay đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hợp đồng tín dụng, đăng ký giao dịch đảm bảo và quyền chủ nợ. Hợp đồng tín dụng cần quy định cụ thể các khoản phải thu là động sản (thay vì chủ yếu là bất động sản) làm cơ sở pháp lý về các nguồn thu nợ của ngân hàng khi cho vay khách hàng và đăng ký giao dịch đảm bảo. Nghiên cứu thông lệ quốc tế để cho

phép giao quyền chủ động xử lý nợ cho các bên liên quan đến hợp đồng MBN trên cơ sở các điều khoản của hợp đồng, tạo điều kiện tốt cho hoạt động MBN.

- Thay đổi bổ sung các quy định về minh bạch thông tin. Nghiên cứu thông lệ quốc tế về thông tin nợ, MBN được quy định công bố công khai, minh bạch để các chủ thể tham gia thị trường chọn lựa hàng hóa mua bán, chủ thể giao dịch và môi giới.

Ba là, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung về tổ chức thị trường MBN.

- Nguồn lực tổ chức thị trường là vấn đề quan trọng để phát triển thị trường MBN. Cơ quan quản lý cần xây dựng cơ chế để các bên cùng tham gia ngay cả các tổ chức, doanh nghiệp, công ty tư nhân đều có thể tham gia và phát triển thị trường này, và thậm chí áp dụng mở rộng cho các tổ chức nước ngoài để tạo thị trường linh hoạt và đa dạng nguồn lực.

- Cơ quan giám sát và Ngân hàng Nhà nước cần tăng cường giám sát phân loại nợ ngân hàng, minh bạch thông tin nợ và thông tin MBN ngân hàng.

- Tạo điều kiện phát triển về vốn và chất lượng nguồn nhân lực cho Công ty Quản lý Tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam đảm bảo về năng lực tài chính và thực hiện đầy đủ các chức năng như các công ty quản lý tài sản nước ngoài đã thực hiện tại các quốc gia, từ đó tạo tiền đề phát triển các công ty quản lý tài sản, các công ty làm dịch vụ liên quan đến MBN, phát triển các phương thức MBN.

- Các cơ quan quản lý nhà nước và Ngân hàng Nhà nước cần xây dựng hệ thống thông tin đánh giá về tình hình tài chính của doanh nghiệp vay nợ để hỗ trợ thông tin và tạo điều kiện phát triển các công ty dịch vụ, cung cấp thông tin, định giá MBN để hỗ trợ thị trường MBN.

- Các ngân hàng thương mại cần nâng cao chất lượng tín dụng, phát triển hoạt động bao thanh toán, chiết khấu, hoàn thiện hợp đồng tín dụng, chú trọng cho vay dựa vào nguồn thu nợ là động sản thay vì bất động sản để giảm bớt rủi ro tín dụng ngân hàng và tạo nguồn cung hàng hóa chất lượng cho thị trường.

5. KẾT LUẬN

Kinh nghiệm từ các quốc gia cho thấy, để phát triển thị trường MBN liên quan đến hệ thống ngân hàng, cần thực hiện đồng bộ các vấn đề về môi trường pháp lý, giám sát thực hiện môi trường pháp lý, chất lượng nợ, định giá nợ, phương thức MBN, phát triển các thành phần tham gia thị trường, minh bạch thông tin thị trường. Trước tiên, các ngân hàng Việt Nam cần tăng cường các biện pháp xử lý nợ xấu. Ngân hàng Nhà nước cần giám sát ngăn ngừa phát sinh nợ xấu mới, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng vững mạnh và tăng cường năng lực của các Công ty Quản lý Tài sản Việt Nam, Công ty Quản lý Tài sản tại Tổ chức Tín dụng Việt Nam để thực hiện thành công các giao dịch MBN giữa ngân hàng thương mại và Công ty Quản lý Tài sản Việt Nam. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Agarwal, R. & Elston, J. A. 2001. "Bank-Firm Relationships, Financing and Firm Performance in Germany". *Economics Letters*, 72(2), pp. 225-232.
2. Anguelov, C.E. & Tamborini, C. 2009. "Retiring in Debt? Differences Between the 1995 and 2004 Near-Retiree Cohorts". *Social Security Bulletin*, 69, pp. 13-34.
3. Brown, S., Taylor, K. & Price, S.W. 2005. "Debt and Distress: Evaluating the Psychological Cost of Credit". *Journal of Economic Psychology*, 26, pp. 642-63.
4. Center for Responsible Lending. 2014. "The State of Lending in America its Impact on U.S Household". Retrieved from <http://www.responsiblelending.org/state-of-lending/State-of-Lending-report-1.pdf>, truy cập ngày 15/8/2015.
5. Chopra, A., Kenneth, K., Meral, K., Hong, L., Henry, M. & Anthony, R. 2001. *From Crisis to Recovery in Korea: Strategy, Achievements, and Lessons*. IMF WP/01/154.
6. European Central Bank. 2006. *Financial Stability Review*, June 2006.
7. Fabozzi, F. J. 2007. *Fixed Income Analysis*. CFA Institute Investment Series.
8. Federal Trade Commission. 2013. "The Structure and Practices of the Debt Buying Industry". Retrieved from <http://www.ftc.gov/os/2013/debtbuyingreport.pdf>, truy cập ngày 25/6/2011.
9. Fratantoni, M. & Moore, M. 2013. *The U.S. Mortgage Crisis: Are There Lessons for Policymaker*, truy cập ngày 10/8/2014.
10. Greenbaum, S.I. & Thakor, A.V. 2007. *Contemporary Financial Intermediation*. 2nd Edition, Elsevier, California, USA.
11. IFC. 2012. "Distressed Asset Transfer Handbook: General Guidelines for the Purchase and Sale of Distressed Assets in the Financial Sector". https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/832d3b10-9833-4a55-bcd2-e8859ad4fbad/DA_Transfer_Handbook_2012.pdf?MOD=AJPERES&CVID=jKqAJB-, truy cập ngày 20/7/2013.
12. Jassaud, N. & Kang, K. 2015. *A Strategy for Developing a Market for Nonperforming Loans in Italy*. International Monetary Fund.
13. Monetary Authority of Singapore. 2000. *Securitization Rules in Singapore from - MAS 628*. Singapore.
14. Nguyễn Hùng Tiến. 2015. "Kinh nghiệm của Nhật Bản trong xử lý nợ xấu nâng cao chất lượng tín dụng ngân hàng thương mại". *Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ*, 20(437).
15. Nguyễn Thị Loan và các cộng sự. 2017. *Phát triển thị trường mua bán nợ tại Việt Nam*. Đề tài nghiên cứu cấp Ngành – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
16. Ohashi, K. & Singh, M. 2014. *Japan's Distressed-Debt Market*. International Monetary Fund.
17. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2010. *Luật các Tổ chức tín dụng 2010*. Hà Nội.
18. Reed, E.W., Cotter, R.V., Gill, E.K. & Smith, R.K. 1976. *Commercial Banking*, Prentice Hall.